

CÔNG KHAI TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN MIỄN - GIẢM HỌC PHÍ,
BUỔI 2, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP CHO HỌC SINH THEO CHẾ ĐỘ QUÝ ĐỊNH
NAM HỌC 2023-2024

STT	HỌ TÊN HỌC SINH	LỚP	THUỘC DIỆN	MINH CHỨNG (Mã số Hộ nghèo, Cận nghèo, Giấy chứng nhận khuyết tật)	MIỄN - GIẢM HỌC PHÍ				MIỄN - GIẢM BUỔI 2				HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP		Tổng số tiền được miễn, giảm	
					Miễn 100%		Giảm 50%		Miễn 100%		Giảm 50%		MỨC	Số tháng		
					MỨC	Số tháng	MỨC	Số tháng	MỨC	Số tháng						
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	$12 = (2*3) + (4*5) + (6*7) + (8*9) + (10*11)$	
1	Lâm Trần Huệ Thanh	6/8	Khuyết tật	08/HCM/10/114	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
2	Phan Hai Yến	6/10	Khuyết tật	08/HCM/10/116	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
3	Vũ Duy Hưng	7/4	Khuyết tật	08/HCM/10/101	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
4	Nguyễn Thanh Duy	8/2	Khuyết tật	08/HCM/10/234	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
5	Nguyễn Hồng Khánh Phương	8/6	Khuyết tật	27196.000094	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
6	Phạm Quốc Thái	8/7	Khuyết tật	27169000303	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
7	Nguyễn Hoàng Oanh	9/1	Khuyết tật	08/HCM/10/63	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
8	Nguyễn Huỳnh Như Ý	9/1	Khuyết tật	27190.000264	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
9	Nguyễn Nhật Nam	9/2	Khuyết tật	27187000133	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
10	Châu Lâm Đăng Khoa	9/3	Khuyết tật	08/HCM/10/77	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
11	Lý Gia Đại	9/4	Khuyết tật	27187.0001342	60.000	9							150.000	9	1.890.000	
12	Phạm Phước Tiến	7/7	Có công với cách mạng		60.000	9									540.000	
13	Trương Nguyễn Đăng Khoa	9/6	Thương binh		60.000	9									540.000	
14	Fan A Mí	7/9	Chăm	GKS số 58	60.000	9									540.000	
15	Thạch Ngọc Anh Thư	7/10	Khmer	GKS số 45	60.000	9									540.000	
16	Triệu Nguyễn Tú Nghi	6/4	Hộ cận nghèo	27238020031HCN			30.000	9			40.000	9			630.000	
17	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	7/1	Hộ cận nghèo	BDHTDF22			30.000	9			40.000	9			630.000	
TỔNG CỘNG															24.210.000	

Đơn vị tính: đồng

Ngày 08 tháng 12 năm 2023



Nguyễn Lê Quang Vinh